TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2023/HC-PT
Ngày 10 tháng 5 năm 2023
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tài;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lý, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 644/2022/TLPT-HC ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 45A/2022/HC-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh H1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4544/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lưu Văn T, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn 2, xã Quảng H, thành phố Sầm S, tỉnh Thanh H1. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

* *Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Lưu Văn T3, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 2, xã Quảng H, thành phố Sầm S, tỉnh Thanh H1. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

***2. Người bị kiện**:*

2.1.Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Quảng X, tỉnh Thanh H1.

** Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Đức T1, chức vụ: Chủ tịch UBND;

** Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hà Thế A, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND. Vắng mặt.

2.2.Ủy ban nhân dân thành phố Sầm S, tỉnh Thanh H1.

** Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Văn T2, chức vụ: Chủ tịch UBND;

** Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Ngọc B, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND. Có đơn xét xử vắng mặt;

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố Sầm S:* Ông Nguyễn Văn H2, chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường. Có mặt;

*3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. UBND xã Quảng H, thành phố Sầm S, tỉnh Thanh H1;

** Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Doãn P, chức vụ: Chủ tịch UBND. Vắng mặt;

3.2. Anh Lưu Văn T3, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 2, xã Quảng H, thành phố Sầm S, tỉnh Thanh H1. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

*3. **Người làm chứng:***

3.1. Ông Lê Thanh D, sinh năm 1957; Vắng mặt.

3.2. Ông Viên Đình H3, sinh năm 1960; Vắng mặt.

3.3. Ông Lê Văn T4, sinh năm 1948; Vắng mặt.

3.4. Ông Viên Đình S1, sinh năm 1952; Vắng mặt.

3.5. Ông Lưu Xuân C, sinh năm 1950; Vắng mặt.

3.6. Ông Lê Thanh N, sinh năm 1943; Vắng mặt.

3.7. Ông Lê Văn D1 (Lê Bá D1), sinh năm 1964; Vắng mặt.

3.8. Ông Lê Văn M, sinh năm 1963; Vắng mặt.

3.9. Ông Lưu Văn T5, sinh năm 1964; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Quảng H, thành phố Sầm S, tỉnh Thanh H1.

3.10. Ông Phạm Công N1, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn 4, xã Quảng H, thành phố Sầm S, tỉnh Thanh H1; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Lưu Văn T trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Lưu Văn B1 và cụ Trình Thị C1 có tổng diện tích đất 2.442m^2 tại thửa số 220, tờ bản đồ số 2, bản đồ 299 xã Quảng H. Năm 1979 bố mẹ ông cho ông một phần thửa đất với diện tích là 1.000m^2 để ra ở riêng, phần còn lại bố mẹ ông sử dụng (cụ Lưu Văn B1 có tên trong Sổ cấp giấy chứng nhận hộ tư nhân ngày 21/7/1988 do UBND huyện Quảng X cấp). Đến ngày 10/5/1995, ông được UBND huyện Quảng X cấp GCNQSDĐ tại thửa 594, tờ bản đồ 03 mang tên Lưu Văn T với diện tích 200m^2 đất ở và đất vườn lâu dài 800m^2.

Sau khi được bố mẹ cho đất, từ năm 1979 gia đình ông đã xây dựng nhà cửa và sử dụng ổn định trên toàn bộ thửa đất. Năm 2007 cụ B1 chết.

Năm 2006, thực hiện dự án Khu biệt thự Hùng S2, có 31 hộ bị ảnh hưởng, trong đó UBND huyện Quảng X thu hồi toàn bộ diện tích 1.000m^2 của gia đình ông. Tuy nhiên, đây là dự án treo nhiều năm, nhà nước chưa thực hiện dự án, chưa tiến hành bồi thường, gia đình ông cũng chưa được nhận Quyết định phê duyệt bồi thường nào của UBND huyện Quảng X.

Năm 2016, đất của gia đình ông thuộc về địa giới hành chính của thành phố Sầm S. Đến năm 2020, UBND thành phố Sầm S mới tiếp tục thực hiện dự án và gia đình ông được nhận Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của UBND thành phố Sầm S về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ khác, trong quyết định này gia đình ông chỉ được phê duyệt bổ sung hỗ trợ khác là 605.000.000đ, còn về bồi thường đất ở và nhà cửa thì UBND thành phố Sầm S trả lời là vẫn thực hiện theo Quyết định phê duyệt bồi thường số 461/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của UBND huyện Quảng X.

Qua tìm hiểu thì đến nay gia đình ông mới biết, năm 2008 UBND huyện Quảng X đã ra Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích đất, loại đất, theo đó một số hộ có nguồn gốc sử dụng đất trước năm 1980 như gia đình ông mà trong giấy CNQSDĐ chỉ cấp 200m^2 đất ở đã được điều chỉnh toàn bộ diện tích thu hồi là đất ở, ông có xác nhận của cộng đồng dân cư địa phương và cán bộ địa chính các thời kỳ. Trong quyết định số 2074 của UBND huyện Quảng X điều chỉnh diện tích thu hồi của gia đình ông từ 1.000m^2

lên 1.400m^2, nhưng không xác định toàn bộ là đất ở giống như hộ ông Lê Văn D1 (thửa 519, tờ bản đồ số 3) mà gia đình ông vẫn chỉ được xác định 200m^2 đất ở.

Mặt khác, diện tích thu hồi tăng thêm 400m^2 là đất của bố mẹ ông, sau này mẹ ông đã cho anh Lưu Văn T3 (là cháu đích tôn) theo Quyết định số 07/2018/QĐST-DSST ngày 19/03/2018 của TAND thành phố Sầm S (bản án đã có hiệu lực pháp luật), nhưng Quyết định 2074 thu hồi thêm 400m^2 của ông là sai.

Khi gia đình ông biết quyền lợi bị xâm phạm cũng là lúc UBND thành phố Sầm S có quyết định cưỡng chế nên gia đình ông đã chấp hành tự nguyện tháo dỡ công trình bàn giao đất cho dự án và thực hiện việc khiếu kiện hành chính theo quy định của pháp luật.

Việc UBND huyện Quảng X không thực hiện điều chỉnh lại diện tích đất ở đối với gia đình ông là sai và việc UBND thành phố Sầm S khi tiếp tục thực hiện dự án không xác định lại nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất cho gia đình ông để đảm bảo quyền lợi cho gia đình như các hộ khác là trái pháp luật. Cho đến nay, ông mới biết được, do đó ông có đơn khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Thanh H1 giải quyết:

1. Tuyên hành vi của UBND huyện Quảng X, hành vi của UBND thành phố Sầm S không thực hiện việc xác định lại nguồn gốc đất, diện tích bồi thường đất ở khi thu hồi đất đối với gia đình ông Lưu Văn T là trái pháp luật.

2. Yêu cầu Tòa án hủy một phần các quyết định hành chính gồm:

+ Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 05/6/2006 của UBND huyện Quảng X về việc thu hồi đất tại xã Quảng H để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng khu vực đất quy hoạch Khu biệt thự Hùng S2;

+ Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND huyện Quảng X về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích đất, loại đất tại quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 05/6/2006;

+ Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của UBND huyện Quảng X về việc phê duyệt dự toán bồi thường, giải phóng mặt bằng.

+ Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của UBND thành phố Sầm S về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ khác cho hộ ông Lưu Văn T (Miến) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng S2, thành phố Sầm S.

3. Buộc UBND thành phố Sầm S thực hiện việc xác định lại diện tích đất ở cho gia đình là 1.000m^2 và thực hiện việc bồi thường, bố trí tái định cư cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật.

** Ngày 11/7/2022, ông Lưu Văn T có đơn khởi kiện bổ sung:*

Đề nghị Tòa án hủy Quyết định cưỡng chế số 7732/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Sầm S.

** UBND huyện Quảng X trình bày:*

UBND huyện Quảng X cung cấp cho Tòa án Báo cáo số 1105/UBND-TNMT ngày 26/4/2022 của UBND huyện gửi Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh H1 có nội dung:

Căn cứ để UBND huyện Quảng X thực hiện thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư là Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 29/4/2004 của UBND tỉnh Thanh H1 về việc thu hồi đất tại xã Quảng H và xã Quảng Đ giao cho Công ty đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà Quảng N2; Quyết định số 4038/QĐ-CT ngày 15/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh H1 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng S2 - Nam Sầm S, huyện Quảng X do Công ty Đầu tư xây dựng nhà kinh doanh nhà Quảng N2 (nay là Công ty Văn P1) làm chủ đầu tư.

Thời điểm UBND huyện Quảng X bàn giao lại thông tin và nội dung công việc cho UBND thành phố Sầm S là ngày 14/12/2017. Sau khi bàn giao, hiện nay UBND huyện Quảng X không còn hồ sơ lưu giữ nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

Sau khi chuyển giao địa giới hành chính xã Quảng H thuộc huyện Quảng X sáp nhập về thành phố Sầm S, toàn bộ hồ sơ liên quan đến xã Quảng H lưu trữ tại huyện đã bàn giao về thành phố Sầm S, UBND huyện Quảng X không còn hồ sơ liên quan để cung cấp cho Tòa án.

Đề nghị Tòa án căn cứ hồ sơ, tài liệu pháp lý có liên quan và quy định hiện hành để giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên liên quan theo pháp luật.

** Tại Văn bản số 3525/UBND-TNMT ngày 11/7/2022 của UBND thành phố Sầm S trình bày:*

Thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng S2, UBND tỉnh Thanh H1 ban hành Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 29/4/2004 về việc thu hồi đất tại xã Quảng H và xã Quảng Đ, huyện Quảng X, tạm giao cho Công ty đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà Quảng N2.

UBND huyện Quảng X đã ban hành các Quyết định gồm: Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 05/6/2006 về việc thu hồi đất tại xã Quảng H để thực hiện bồi

thường, giải phóng mặt bằng khu vực đất quy hoạch Khu biệt thự Hùng S2; Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 về việc điều chỉnh bổ sung diện tích, loại đất thu hồi tại Quyết định thu hồi đất số 745/QĐ-UBND ngày 05/6/2006; Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 về việc phê duyệt dự toán bồi thường, GPMB Khu biệt thự Hùng S2 dự án Du lịch Nam Sầm S (gồm bồi thường đất ở, đất vườn, nhà cửa vật kiến trúc, cây cối hoa màu, hỗ trợ di chuyển và hỗ trợ tiền thuê nhà);

UBND thành phố Sầm S đã ban hành các Quyết định gồm: Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ khác cho hộ ông Lưu Văn T (Miếu) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng S2, thành phố Sầm S.

Theo đó, hộ ông Lưu Văn T bị thu hồi 1.400m^2 đất, trong đó bao gồm: 200m^2 đất ở và 1.200m^2 đất trồng cây lâu năm (CLN) tại thửa số 876, tờ bản đồ 03.

Căn cứ khoản 6 Điều 210 Luật đất đai 2013 quy định:

"Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật đất đai này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này".

"Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt".

Căn cứ quy định trên, việc ông T yêu cầu UBND thành phố Sầm S xác định lại diện tích đất ở và hủy một phần các quyết định của UBND huyện Quảng X: Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 05/6/2006; Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 và Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của UBND thành phố Sầm S là không có cơ sở.

** Đại diện UBND xã Quảng H trình bày:*

Về nguồn gốc đất ông Lưu Văn T đang khởi kiện là của ông Lưu Văn B1, cụ Trình Thị C1 là đúng, thời điểm sử dụng đất của cụ B1, cụ C1, ông không nắm rõ, theo hồ sơ 299 năm 1984, hộ cụ Lưu Văn B1 sử dụng đất tại thửa số 220, tờ bản đồ số 02 ghi đất tạm giao, loại đất thổ cư, chủ sử dụng ghi tên HTX. Đến năm 1988, cụ Lưu Văn B1 có tên trong Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ tư nhân,

diện tích 1.656m^2, trong đó có 350m^2 đất ở, đất kinh tế phụ gia đình và đất vườn, Sổ này hiện vẫn lưu tại UBND xã Quảng H.

Theo bản đồ năm 2022 tách thành ba thửa gồm: Thửa 876 mang tên Lưu Văn T, diện tích 1.055m^2; thửa 877 mang tên Lê Kiệt P2, diện tích 400m^2 và thửa 875 mang tên Lê Thanh N3, diện tích 275m^2, đều là đất thổ cư. Tuy nhiên tại địa phương không có ai tên là Lê Kiệt P2, còn ông Lê Thanh N3 ở thửa 875 đã nhận đền bù và nhận đất tái định cư. Do đó Quyết định thu hồi đất số 2702 của UBND huyện Quảng X thu hồi của gia đình ông Lưu Văn T 1.400m^2 là đúng.

UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Lưu Văn T3 trình bày:*

Nguồn gốc đất của anh (Lưu Văn T3) nằm trong tổng diện tích đất 2.442m^2 của ông bà nội là cụ Lưu Văn B1 và cụ Trình Thị C1 sử dụng từ trước năm 1980, được đăng ký, đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, số thửa 220, tờ bản đồ số 2, xã Quảng H, diện tích 2.442m^2, chủ hộ Lưu Văn B1, loại đất ở.

Năm 1979, ông bà nội tặng cho bố anh (ông Lưu Văn T) là con trai trưởng một phần đất với diện tích 1.000m^2. Ông Lưu Văn T đã được UBND huyện Quảng X cấp GCNQSDĐ số E0451624, số vào sổ 636 ngày 10/5/1995, số thửa 594, tờ bản đồ số 03. Do Nhà nước bồi thường không đúng hạn mức đất ở nên ông Lưu Văn T có khởi kiện và đã được Tòa án thụ lý giải quyết.

Phần diện tích đất còn lại khoảng 1.442m^2 cụ B1, cụ C1 sử dụng để ở và trồng cây lấy củi không có tranh chấp với ai. Hộ ông Lưu Văn T và hộ cụ Lưu Văn B1 sinh hoạt riêng và quản lý sử dụng phần đất riêng biệt, có làm hệ thống tường rào bao quanh toàn bộ diện tích 1.442m^2 (đất ở), có căn nhà cấp 4 cùng một số cây cối trên đất. Thửa đất này đã được UBND huyện Quảng X cấp cho ông Lưu Văn B1 vào năm 1988 theo "Sổ cấp giấy chứng nhận hộ tư nhân" ngày 21/7/1988.

Theo đo đạc thực tế của TAND thành phố Sầm S, diện tích đất của cụ B1, cụ C1 còn lại là 1.386,3m^2 được thừa kế cho anh theo Quyết định số 07/2018/QĐST-DSST ngày 19/03/2018 của TAND thành phố Sầm S, địa chỉ tại thôn 3 (nay là thôn 2) xã Quảng H. Anh là người được sở hữu, sử dụng theo quy định tại khoản 1 và Khoản 3 Điều 100 Luật đất đai 2013 và hướng dẫn tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Đất đã có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng theo Luật đất đai đã được cấp sổ đỏ cho ông Lưu Văn B1 với diện tích 1.656m^2

(diện tích thay đổi do đo đạc qua các thời kỳ). Nguồn gốc đất được cộng đồng dân cư, Trưởng thôn và cán bộ địa chính các thời kỳ trước đây xác nhận và được Tòa án công nhận bằng Quyết định có hiệu lực.

Tháng 2/2022, UBND thành phố Sầm S đã tiến hành cưỡng chế đất của anh khi chưa thực hiện việc thu hồi bổ sung, chưa có chính sách bồi thường và bố trí tái định cư (gia đình anh có lập Vi bằng và hình ảnh kèm theo). Dù anh đã nhiều lần kiến nghị, khiếu nại tới các cấp chính quyền nhưng không được giải quyết.

Đối với UBND huyện Quảng X, mới đây anh được biết trong Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích đất, loại đất đã điều chỉnh tăng thêm 400m^2 đất mà ông B1, bà C1 đã thừa kế cho anh vào đất của ông T là xâm phạm đến quyền lợi của anh.

Việc UBND thành phố Sầm S khi tiếp tục thực hiện dự án không ban hành Quyết định thu hồi đất của anh mà đã tiến hành cưỡng chế nhà đất và tài sản của anh là trái pháp luật. Do đó, anh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên hành vi của UBND thành phố Sầm S không ban hành Quyết định thu hồi đất đối với diện tích 1.386,3m^2 của ông Lưu Văn T3 nhưng lại cưỡng chế nhà đất và tài sản trên đất của ông Lưu Văn T3 là trái pháp luật.

2. Yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND huyện Quảng X về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích đất, loại đất tại Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 05/6/2006.

3. Buộc UBND thành phố Sầm S ban hành Quyết định thu hồi đất đối với diện tích 1.386,3m^2 của ông Lưu Văn T3 và thực hiện việc bồi thường, bố trí tái định cư cho ông Lưu Văn T3 theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trung đã rút đơn yêu cầu độc lập.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 45A/2022/HC-ST ngày 14/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh H1 đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 44; Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai 2003; Điều 74; Điều 75 Luật Đất đai 2013.

1. Đình chỉ giải quyết đơn yêu cầu độc lập của anh Lưu Văn T3.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lưu Văn T:

2.1. Tuyên bố: Hành vi hành chính của UBND huyện Quảng X về việc xác định thời điểm sử dụng đất đối với hộ ông Lưu Văn T sau năm 1980 là trái pháp luật;

2.2. Tuyên bố: Hành vi hành chính của UBND thành phố Sầm S thu hồi của hộ ông Lưu Văn T diện tích đất trồng cây còn lại 836m^2, nhưng chưa có Quyết định thu hồi, chưa bồi thường là trái pháp luật;

2.3. Hủy một phần Quyết định thu hồi đất số 745/QĐ-UBND ngày 05/6/2006 và Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND huyện Quảng X về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích đất, loại đất tại Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 05/6/2006 đối với hộ ông Lưu Văn T;

2.4. Hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của UBND huyện Quảng X về việc phê duyệt dự toán bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với phần phê duyệt bồi thường đối với hộ ông Lưu Văn T;

2.5. Hủy một phần Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 461/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của UBND huyện Quảng X về phần về duyệt bồi thường cho hộ ông Lưu Văn T;

2.6. Buộc UBND thành phố Sầm S thực hiện việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ lại đối với tổng diện tích đất thu hồi của hộ ông Lưu Văn T là 2.236m^2, trong đó hạn mức đất ở là 1.000m^2 và thực hiện việc bố trí tái định cư cho gia đình ông Lưu Văn T theo quy định của pháp luật (hộ ông Lưu Văn T đã được phê duyệt và được nhận bồi thường 200m^2 đất ở và 1.200m^2 đất nông nghiệp).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/11/2022, người bị kiện là UBND thành phố Sầm S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Căn cứ khoản 6 Điều 210 Luật đất đai 2013 quy định *"Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật đất này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này"*.

Khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định *"Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt"*. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Thanh H1 về việc ban hành quy định hạn mức giao đất ở, diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; hạn mức công nhận đất ở và hạn mức giao đất trống, đồi núi trọc, đất có núi trọc, đất mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh H1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định số 4655/2017/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh Thanh H1 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định hạn mức giao đất ở, diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; hạn mức công nhận đất ở và hạn mức giao đất trống, đồi núi trọc, đất có núi trọc, đất mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh H1, việc Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu UBND thành phố Sầm S thu hồi và bồi thường toàn bộ diện tích 2.236m^2 đất của ông Lưu Văn B1 và bà Trịnh Thị C1 cho ông Lưu Văn T và xác định hạn mức 1.000m^2 đất ở cho ông Lưu Văn T là không đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đầy đủ quy định pháp luật tố tụng hành chính. Kháng cáo của người bị kiện trong hạn luật định được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa 01 số đương sự vắng mặt hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc người kháng cáo không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 11/01/2022, ông Lưu Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hành vi của UBND huyện Quảng X, hành vi của UBND thành phố Sầm S trong việc xác định lại nguồn gốc đất, diện tích bồi thường đất ở khi thu hồi đất; xem xét các Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 05/6/2006 của UBND huyện Quảng X về việc thu hồi đất tại xã Quảng H để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng khu vực đất quy hoạch Khu biệt thự Hùng S2, Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND huyện Quảng X về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích đất, loại đất tại Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 05/6/2006, Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của UBND huyện Quảng X về việc phê duyệt dự toán bồi thường, giải phóng mặt bằng, Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của UBND thành phố Sầm S về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ khác cho hộ ông Lưu Văn T (Miến) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng S2, thành phố Sầm S và yêu cầu buộc UBND thành phố Sầm S thực hiện việc xác định lại diện tích đất ở cho gia đình là 1.000m^2 và thực hiện việc bồi thường, bố trí tái định cư cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án thì việc khởi kiện của người khởi kiện nêu trên là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xác định đúng, đầy đủ các quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện, các quyết định có liên quan; thẩm quyền giải quyết của Tòa án và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 3, khoản 4 Điều 32; khoản 4 Điều 54, khoản 6 Điều 59 và Điều 60 của Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, về trích yếu quan hệ pháp luật, do ông Lưu Văn T khởi kiện cả hành vi của UBND huyện Quảng X và hành vi của UBND thành phố Sầm S, nên cần xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai".

[1.2]. Đối với anh Lưu Văn T3, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm đã rút yêu cầu độc lập. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với đơn yêu cầu độc lập của anh Lưu Văn T3 là đúng theo quy định tại Điều 173 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm 01 số đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng

hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2]. Về nội dung, đối với các yêu cầu của người khởi kiện và nội dung kháng cáo của người bị kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng S2, UBND tỉnh Thanh H1 đã ban hành Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 29/4/2004 về việc thu hồi đất tại xã Quảng H và xã Quảng Đ, huyện Quảng X, tạm giao cho Công ty đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà Quảng N2. Tại Điều 2 giao Chủ tịch UBND huyện Quảng X có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư và các xã nơi có đất bị thu hồi thực hiện lập phương án bồi thường và bồi thường giải phóng mặt bằng, tại Danh biểu thu hồi đất kèm theo, hộ ông T bị thu hồi thuộc thửa 876, tờ bản đồ diện tích 1.055m^2, loại đất thổ cư, đây là căn cứ để UBND huyện Quảng X ban hành các Quyết định thu hồi đất cụ thể đối với các hộ gia đình cá nhân và thực hiện việc kiểm kê, xác định nguồn gốc đất và lập phương án bồi thường theo quy định của Luật đất đai năm 2003. Ngày 05/6/2006, UBND huyện Quảng X ban hành Quyết định số 745/QĐ-UBND thu hồi đất của 95 hộ tại xã Quảng H để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng khu vực đất quy hoạch Khu biệt thự Hùng S2 (trong đó, hộ ông Lưu Văn T bị thu hồi 1.055m^2 tại thửa 876, tờ bản đồ số 3, bao gồm 200m^2 đất ở và 855m^2 đất nông nghiệp) là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003 nhưng đến ngày 20/6/2008 và ngày 23/6/2008 UBND xã Quảng H mới có Biên bản xác định nguồn gốc đất đối với hộ ông Lưu Văn T *(sau khi có Quyết định thu hồi đất 02 năm)* là không đúng về trình tự thủ tục tại Điều 39 Luật đất đai 2003, Biên bản không có chữ ký các hộ nhân dân trong khu vực bị thu hồi và không có Phiếu lấy ý kiến của nhân dân.

Mặt khác, tài liệu trong hồ sơ thể hiện nguồn gốc đất hộ ông Lưu Văn T sử dụng là của bố mẹ đẻ (cụ Lưu Văn B1 sinh năm 1924 - mất năm 2007; cụ Trình Thị C1 sinh năm 1928), ông Lưu Văn T, sinh năm 1957 và lớn lên tại thửa đất này, con gái ông là Lưu Thị L cũng sinh ra tại đây ngày 21/5/1980, gia đình ông Lưu Văn T không có nơi ở nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng như:

Ông Phạm Công N1 (*nguyên cán bộ ruộng đất xã Quảng H từ trước năm 1980)* xác nhận năm 1981 ông được trực tiếp đi khảo sát để lập bản đồ theo Chỉ thị 299/TTg của Chính Phủ, khi đó gia đình cụ B1, cụ C1 đã có nhà cửa, vườn tược ổn định và được đo đạc với tổng diện tích đất 2.442 m^2, vị trí đất tại thửa 220, tờ bản đồ số 03, bản đồ 299 phê duyệt năm 1985, loại đất thổ cư (T), trong Sổ mục kê chỉ ghi đất tạm giao, không ghi tên chủ sử dụng, cho đến năm 1988 cụ B1 đã có tên trong

Sổ cấp Giấy chứng nhận hộ tư nhân *(có phê duyệt của UBND huyện Quảng X)*, Sổ này hiện vẫn lưu tại UBND xã Quảng H với diện tích 1.656m^2, trong đó có 350m^2 đất ở và đất khác *(BL187)*. Lý do giảm diện tích là do các hộ không muốn đưa diện tích đất trồng cây vào Sổ để đỡ phải chịu thuế nông nghiệp.

Ông Lê Thanh D *(nguyên Chủ tịch UBND xã Quảng H)* trình bày: tại thời điểm năm 2008, Biên bản xác định nguồn gốc đất ghi ông Lưu Văn T sử dụng đất sau năm 1980 là chưa đúng với thực tế, sau đó theo Quyết định số 2074 của UBND huyện Quảng X đã điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất cho các hộ, nhưng hộ ông T chỉ điều chỉnh tăng diện tích thu hồi mà không được điều chỉnh hạn mức đất ở là không đảm bảo công bằng như các hộ khác.

Ngoài ra, các cán bộ địa chính, Trưởng thôn qua các thời kỳ như: Ông Nguyễn Văn L1 *(hiện là Trưởng Thôn 2 xã Quảng H)*, ông Lê Văn T4 *(nguyên cán bộ địa chính xã Quảng H sau năm 1990)*, ông Viên Đình S1 *(Trưởng thôn trước năm 1980 – 1990)* và các hàng xóm liền kề như: Ông Lê Thanh N, ông Lê Văn M1, ông Lê Văn T6, bà Viên Thị H4 và ông Lê Văn D1 (Lê Bá D1) đều có văn bản xác nhận thời điểm sử dụng đất của cụ B1, cụ C1 là trước năm 1980. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm, *có đủ căn cứ xác định thời điểm sử dụng đất của hộ ông Lưu Văn T là trước năm 1980*.

[2.2]. Tại Biên bản kiểm kê ngày 11/11/2003 của Hội đồng BT&GPMB huyện Quảng X, hộ ông Lưu Văn T được kiểm kê tại thửa 876, tờ bản đồ 03 là 1.236m^2 (gồm 200m^2 đất ở và 1.036m^2 đất canh tác), trên đất có nhà cửa, vật kiến trúc và cây cối, hoa màu; tại Biên bản kiểm kê ngày 29/3/2005, hộ ông Lưu Văn T được kiểm kê 1.000m^2 đất lâm nghiệp, trên đất có 666 cây phi lao, không ghi số thửa *(BL139)*. Như vậy, qua 02 lần kiểm kê tổng diện tích đất của hộ ông Lưu Văn T là 2.236m^2 đất, phù hợp với hiện trạng đất của cụ B1, cụ C1 trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 07/2018/QĐ-ST ngày 19/3/2018 TAND thành phố Sầm S là 2.386,3m^2 *(bản án đã có hiệu lực pháp luật)*. Tại Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND huyện Quảng X điều chỉnh thu hồi của ông Lưu Văn T từ 1.055m^2 lên 1.400m^2 và tại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 461/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của UBND huyện Quảng X phê duyệt bồi thường về đất cho ông T với số tiền là 99.800.000đ, nhà cửa là 74.639.682đ, cây cối là 2.213.450đ, hỗ trợ di chuyển + thuê nhà 5.000.000đ, tổng cộng: 181.643.132đ. Tài liệu trong hồ sơ, trình bày của người khởi kiện thể hiện, thực tế gia đình ông T chưa nhận tiền bồi thường, phương án áp giá hỗ trợ bồi thường *bổ sung còn thiếu 666 cây phi lao* (theo biên bản kiểm kê lần 2) chưa được lập phương án hỗ trợ bồi thường; đến nay, gia đình ông T chưa được bố trí phương án

tái định cư. Hiện trạng khuôn viên sử dụng đất của hộ gia đình ông T (theo 2 lần kiểm kê là 2.236m^2); diện tích bị thu hồi theo Quyết định số 2074 là 1.400m^2 nhưng không được cắm mốc tọa độ thu hồi đất vị trí như thế nào?; trên đất gồm những thành viên nào sinh sống?, diễn biến thửa đất qua các thời kỳ?, trong khi đó, gia đình ông T bị UBND thành phố Sầm S cưỡng chế, giải phóng mặt bằng 2.236m^2 đất (trong đó 1400m^2 đất có quyết định thu hồi, 836m^2 đất chưa có quyết định thu hồi).

[2.3]. Như trên đã phân tích, thời điểm sử dụng đất của gia đình ông Lưu Văn T là trước năm 1980. Vị trí thửa đất của gia đình ông T sinh sống giáp biển, gần khu vực nghĩa địa, không thuộc vị trí trung tâm xã, không thuận lợi cho hoạt động thương mại, dịch vụ, nên theo khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003 được xác định toàn bộ 1.055m^2 là đất ở như Tòa án cấp sơ thẩm đã viện dẫn. Ngoài ra, ngày 22/9/2008, UBND huyện Quảng X có Quyết định số 2074/QĐ-UBND về việc điều chỉnh bổ sung diện tích, loại đất đối với 27 hộ *(có 21 hộ được điều chỉnh tăng hạn mức đất ở),* ví dụ: Hộ ông Lê Bá D1 ở thửa 517 được cấp GCNQSDĐ cùng thời điểm với hộ ông T, tổng diện tích đất 1.377m^2 *(200m^2 và 1.177m^2 đất trồng cây)* đã được điều chỉnh thu hồi 1.200m^2 đất ở *(thể hiện tại BL 32, 39, 40, 269)*, nhưng hộ ông Lưu Văn T không được điều chỉnh nâng hạn mức đất ở để thu hồi, bồi thường là không đảm bảo sự công bằng, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Lưu Văn T về việc tuyên hành vi xác định nguồn gốc đất của UBND xã Quảng H, UBND huyện Quảng X đối với hộ ông Lưu Văn T là trái pháp luật; hủy một phần Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND huyện Quảng X về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích đất, loại đất tại quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 05/6/2006, hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của UBND huyện Quảng X về việc phê duyệt dự toán bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Lưu Văn T, để UBND thành phố Sầm S thực hiện việc thu hồi bổ sung và phê duyệt lại việc bồi thường hạn mức đất ở cho hộ ông Lưu Văn T theo đúng quy định của Luật đất đai là có căn cứ.

[2.4]. Dự án xây dựng Khu biệt thự Hùng S2 được UBND huyện Quảng X ban hành Quyết định thu hồi và kiểm kê từ năm 2006, nhưng UBND huyện Quảng X chưa đền bù và chưa GPMB, chưa có phương án bố trí tái định cư. Năm 2016, xã Quảng H sáp nhập về thành phố Sầm S, đến năm 2020 UBND thành phố Sầm S tiếp tục thực hiện dự án. Ngày 20/7/2020, UBND thành phố Sầm S ban hành Quyết định số 2563/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung kinh phí hỗ trợ khác cho hộ

ông Lưu Văn T số tiền 605.000.000đ và kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 12.100.000đ, để thực hiện dự án đầu tư Khu biệt thự Hùng S2, tổng số tiền là 617.100.000đ, đối với tiền bồi thường về đất, tài sản trên đất thực hiện theo Quyết định phê duyệt bồi thường số 461/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của UBND huyện Quảng X, UBND thành phố Sầm S không tổ chức xác định lại nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất do thực hiện dự án chuyển tiếp (khoản 6 Điều 210 Luật đất đai 2013). Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do UBND huyện Quảng X đã bàn giao cho UBND thành phố Sầm S, hộ ông Lưu Văn T mới chỉ được phê duyệt bồi thường đối với diện tích đất thu hồi là 1.400m^2 (trong đó, 200m^2 đất ở và 1.200 m^2 đất nông nghiệp), UBND huyện Quảng X chưa phê duyệt bồi thường đối với diện tích đất trồng cây còn lại 836m^2 và 666 cây phi lao lấy củi đã được kiểm kê ngày 29/3/2005 như phân tích tại mục [2.2] nêu trên.

Khi tiếp tục thực hiện dự án, tại thời điểm UBND thành phố Sầm S ban hành Quyết định cưỡng chế số 7732/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 để thu hồi 1.400m^2 đất của gia đình ông T theo Quyết định thu hồi đất số 2074 của UBND huyện Quảng X, gia đình ông T không được nhận Quyết định số 2074 nên không biết việc bị thu hồi thêm đất, chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và chưa được bố trí tái định cư. Ngày 18/12/2021 gia đình ông T mới được nhận số tiền là 181.643.132đ. Theo trình bày của anh Lưu Văn T3 (đại diện cho ông T), sau khi nhận Quyết định cưỡng chế của UBND thành phố Sầm S, gia đình anh đã tự nguyện tháo dỡ nhà cửa, vật kiến trúc bàn giao phần đất của ông T 1.000m^2, sau đó sử dụng lưới thép B40 quây phần đất còn lại và ngày 14/01/2022 gia đình anh nhờ Văn phòng thừa phát lại lập "Vi bằng" đối với diện tích đất còn lại 1.386,3m^2 mà anh được bà nội cho nhưng chưa được thu hồi, bồi thường để đi khiếu nại. Sau khi được chính quyền địa phương động viên, thúc giục nhiều lần, đến ngày 26/2/2022 gia đình anh đã phải bàn giao hết toàn bộ khuôn viên đất cho đơn vị thi công và tiến hành khởi kiện, việc bàn giao đất của gia đình anh không được lập biên bản. UBND thành phố Sầm S không cung cấp được Biên bản bàn giao diện tích đất hiện trạng của gia đình ông T tại thời điểm thực hiện Quyết định cưỡng chế. Hiện nay toàn bộ diện tích gia đình ông T được kiểm kê 02 lần đã GPMB xong. Phần diện tích thu hồi vượt quá 1.400m^2 theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND huyện Quảng X là đất trồng cây lâu năm và cây trên đất đã được UBND huyện Quảng X kiểm kê nhưng chưa có phương án bồi thường. Vì vậy, hành vi của UBND thành phố Sầm S thu hồi vượt quá so với Quyết định thu hồi đất số 2074/QĐ- UBND của UBND huyện Quảng X mà không bồi thường là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Lưu Văn T như Tòa án cấp sơ

thẩm đã nhận định. Do gia đình ông T đã tự nguyện bàn giao toàn bộ diện tích đất và hiện nay đã GPMB xong, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND thành phố Sầm S thực hiện việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông Lưu Văn T, cụ thể: Tổng diện tích đã kiểm kê là 2.236m^2, trong đó xác định hạn mức đất ở nông thôn sử dụng trước năm 1980 là 1.000m^2 (gia đình ông T đã được UBND huyện Quảng X phê duyệt bồi thường đất ở 200m^2, đất nông nghiệp 1.200m^2) mà không cần thiết phải hủy Quyết định cưỡng chế số 7732/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 là có căn cứ.

[3]. Với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, mà cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đã trình bày.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Bác kháng cáo của người bị kiện là UBND thành phố Sầm S; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 45A/2022/HC-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh H1.

[2]. Về án phí: Người bị kiện là UBND thành phố Sầm S phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000265 ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh H1.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh H1;
- Cục THADS tỉnh Thanh H1;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HC-TP TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Anh Tài